

PHỤ LỤC 11:
BẢNG GIÁ ĐẤT PHƯỜNG BÌNH THUẬN

A. Giá nhóm đất nông nghiệp

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Nội dung	Giá đất trong bảng giá đất hiện hành	Giá đất đề xuất	Ghi chú
1. Đất trồng cây hằng năm (gồm đất trồng lúa và đất trồng cây hằng năm khác)			
- Vị trí 1	222,20	335,00	
	306,00		
- Vị trí 2	119,00	275,00	
	251,00		
- Vị trí 3	103,95	170,00	
	154,00		
- Vị trí 4	83,16	135,00	
	122,00		
2. Đất trồng cây lâu năm			
- Vị trí 1	245,70	365,00	
	332,00		
- Vị trí 2	174,60	300,00	
	270,00		
- Vị trí 3	118,30	275,00	
	248,00		
- Vị trí 4	84,24	145,00	
	131,00		
3. Đất rừng sản xuất			
- Vị trí 1	61,90	62,00	
- Vị trí 2	34,20	35,00	
- Vị trí 3	12,31	16,00	
- Vị trí 4		8,00	
4. Đất nuôi trồng thủy sản			
- Vị trí 1	222,20	335,00	
	306,00		
- Vị trí 2	119,00	275,00	
	251,00		
- Vị trí 3	103,95	170,00	
	154,00		
- Vị trí 4	83,16	135,00	
	122,00		

B. Giá nhóm đất phi nông nghiệp:

I. Giá đất ở:

		Đoạn đường			Giá đất trong bảng giá đất hiện hành	Giá đất đề xuất	Chi chú
STT	Tên đơn vị hành chính	Từ	Đến				
1	Tỉnh lộ 718	Ngã 3 nhà văn hóa khu phố Xuân Tài	Ngã 3 ga Phú Hội		4.700	4.700	
		Ngã 3 ga Phú Hội	Đình làng Phú Hội		2.900	2.900	
		Giáp Đình làng Phú Hội	Cuối khu phố Phó Nhạng		1.800	1.900	
2	Đường Hàm Hiệp -Thuận Minh	Suối Lỗ Bão (giáp xã Hàm Liêm)	Trường THCS Hàm Hiệp		1.400	1.400	
		THCS Hàm Hiệp	Ngã 3 Cầu Đúc		2.200	2.200	
3	Đường Phú Hội - Cẩm Hang - Sông Quao	ĐT 718	Ngã 3 Bàu Gia -Bào Thảo		2.100	2.100	
		Ngã 3 Bàu Gia - Bàu Thảo	Cổng đất nhà bà Bùi Thị Sen		1.400	1.400	
		Cổng đất nhà bà Bùi Thị Sen	Giáp đường kênh sông Quao		1.000	1.000	
4	Đường Bàu Gia - Bàu Thảo	Ngã 3 Bàu Gia	Ngã 3 đường đập Cẩm Hang		1.200	1.200	
		Ngã 3 đường đập Cẩm Hang	Điểm cuối giáp đường sắt Bắc - Nam		950	1.200	
5	Đường Cẩm Hang	Ngã 3 tiếp giáp đường Phú Hội - Cẩm Hang - Sông Quao	Điểm cuối giáp đường sắt Bắc - Nam		950	1.200	
6	Đường Chợ Tồn - Ga Phú Hội	Ngã 3 chợ Tồn	Điểm cuối giáp đường sắt Mường Mán - Phan Thiết		3.500	3.500	
7	Quốc lộ 1A (Trường Chinh)	Cả con đường			12.000	12.000	
8	Đường Đặng Văn Lãnh đảng ủy phường Bình Thuận	Trường Chinh	Ngã 3 Địa chỉ đỏ		10.900	10.900	
		Đoạn còn lại			8.500	8.500	
9	Phạm Thị Ngự (đường nhựa đi thôn Xuân Hòa)	Trường Chinh	Ngã 3 khu phố Xuân Hòa		11.400	11.400	

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất trong bảng giá đất hiện hành	Giá đất đề xuất	Ghi chú
		Từ	Đến			
10	Đường Đại Năm			8.500	8.500	
11	Đường Ngô Đức Tồn			6.600	6.600	
12	Đường Lê Duẩn	Trường Chinh	Ga Phan Thiết mới	22.800	22.800	
13	Đường Hải Thượng Lãn Ông (tăng thêm chiều dài)	Trường Chinh	Nhà văn hóa khu phố Xuân Tài	10.300	10.300	
14	Đường Phạm Thị Tư	Giáp đặng Văn Lân- bên hông đảng ủy phường Bình Thuận	Giáp Đại Năm	6.600	6.600	
15	Đường Phan Trọng Tuệ	Đặng Văn Lân - địa chỉ đỏ	Giáp đường Đặng Văn Lân - Trường tiểu học Phong Nẫm)	6.600	6.600	
16	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Cây xăng H52	Trường Chinh	19.500	19.500	
17	Đường Lê Duẩn	Trường Chinh	Nguyễn Hội	43.200	43.200	
18	Đường Lê Phụng Hiểu (KDC Văn Thánh)	Cả con đường		17.600	17.600	
19	Đường Đồng Đa (KDC Văn Thánh)	Cả con đường		17.600	17.600	
20	Đường Chi Lăng (KDC Văn Thánh)	Cả con đường		17.600	17.600	
21	Đường Đặng Dung (KDC Văn Thánh)	Cả con đường		17.600	17.600	
22	Đường Lương Văn Năm	Đoạn trái nhựa		11.700	11.700	
23	Đường Nguyễn Hội	Hải Thượng Lãn Ông	Đặng Văn Lân	21.300	21.300	
24	Đường Nguyễn Văn Linh	KDC Văn Thánh, KDC Phú Tài - Phú Trinh và KDC Kênh Bàu		31.500	31.500	
25	Đường Nguyễn Viết Xuân	Cả con đường		17.000	17.000	
26	Đường Trương Gia Hội	Cả con đường		17.000	17.000	
27	Đường Võ Văn Tần	Cả con đường		18.000	18.000	
28	Đường Đào Cam Mộc	Cả con đường		17.600	17.600	

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất trong bảng giá đất hiện hành	Giá đất đề xuất	Ghi chú
		Từ	Đến			
29	Đường Bế Văn Đàn	Cả con đường		17.000	17.000	
30	Đường Lê Quang Đạo	Cả con đường		17.600	17.600	
31	Đường Nguyễn Xí	Cả con đường		17.600	17.600	
32	Đường Trần Thủ Độ	Cả con đường		17.600	17.600	
33	Đường Trần Nguyễn Hân	Cả con đường		17.600	17.600	
34	Đường Khúc Hạo	Cả con đường		17.600	17.600	
35	Đường Trần Đăng Ninh	Lê Quang Đạo	Giáp đường Phan Đình Giót	17.600	17.600	
36	Đường Phan Đình Giót	Nguyễn Thị Định	Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh	17.600	17.600	
37	Đường Khúc Thừa Dụ (nội bộ KDC Văn Thánh 3A)	Cả con đường		17.600	17.600	
38	Đường Nguyễn Tuân (đường nội bộ KDC Văn Thánh 2)	Cả con đường		17.000	17.000	
39	Đường Nguyễn Văn Ngọc (đường nội bộ KDC Văn Thánh 2)	Cả con đường		17.000	17.000	
40	Đường Vũ Trọng Phụng (đường nội bộ KDC Văn Thánh 2)	Cả con đường		17.000	17.000	
41	Đường Tôn Thất Bách	Lê Duẩn (Bệnh viện Đa khoa Bình Thuận)	Giáp đường Đặng Văn Lãnh	19.900	19.900	
42	Đường Nguyễn Văn Siêu (đường nội bộ KDC Phú Tài - Phú Trinh)	Cả con đường		19.900	19.900	
43	Đường Phan Kế Bính (đường nội bộ KDC Phú Tài - Phú Trinh)	Cả con đường		19.900	19.900	
44	Đường Cù Chính Lan (đường nội bộ KDC Văn Thánh 1)	Cả con đường		17.000	17.000	
45	Đường Hoàng Cầm (đường nội bộ KDC Văn Thánh 1)	Cả con đường		17.000	17.000	
46	Đường Phạm Huy Thông	Dãy bệnh viện Đa Khoa Bình Thuận	Cuối lô G63 (Trường tiểu học Phú Trinh 1)	19.900	19.900	

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất trong bảng giá đất hiện hành	Giá đất đề xuất	Ghi chú
		Từ	Đến			
47	Đường Hoài Thanh (khu dân cư Văn Thánh 1)	Cả con đường		17.000	17.000	
48	Đường Mạc Thị Bưởi	Giáp đường quy hoạch	Giáp đường Trương Gia Hội	17.000	17.000	
49	Đường Măng Đa	Đường Nguyễn Viết Xuân	Giáp đường Trương Gia Hội	17.000	17.000	
50	Đường Trương Sanh Thạch	Đường Vũ Trọng Phụng	Giáp đường Nguyễn Thị Định	17.000	17.000	
51	Đường Ngô Thị Ngự	Đường Vũ Trọng Phụng	Giáp đường Nguyễn Thị Định	17.000	17.000	
52	Đường Nguyễn Thị Hòa	Đường Ngô Thị Ngự	Đường quy hoạch	17.000	17.000	
53	Đường Phạm Minh Tự	Đường Ngô Thị Ngự	Giáp đường quy hoạch	17.000	17.000	
54	Đường Nguyễn Thanh Mận	Đường Mạc Thị Bưởi	Đường Nguyễn Viết Xuân	17.000	17.000	
55	Đường Nguyễn Văn Nhân	Đường Bé Văn Đàn	Đường quy hoạch	17.000	17.000	
56	Đường Nguyễn Hình	Giáp Trường Chinh	Cuối trung tâm giống cây trồng		6.000	
57	Tuyến đường D1 theo quy hoạch chi tiết của dự án Chung cư sông Cà Ty				17.600	
58	Tuyến đường N1, T13 theo quy hoạch chi tiết của dự án Khu dân cư phía Nam đường Lê Duẩn (đoạn từ Quốc lộ 1 đến đường Võ Văn Tần)				19.500	

II. Giá đất khu công nghiệp

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

Số TT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất
1	Khu công nghiệp Phan Thiết giai đoạn 1	1.440
2	Khu công nghiệp Phan Thiết giai đoạn 2	1.440

III. Giá đất thương mại, dịch vụ; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp sử dụng có thời hạn, đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	Ghi chú
		Từ	Đến				
1	Tỉnh lộ 718	Ngã 3 nhà văn hóa khu phố Xuân Tài	Ngã 3 ga Phú Hội	3.290	2.820	3.290	
		Ngã 3 ga Phú Hội	Đình làng Phú Hội	2.030	1.740	2.030	
		Giáp Đình làng Phú Hội	Cuối khu phố Phố Nhang	1.330	1.140	1.330	
2	Đường Hàm Hiệp - Thuận Minh	Suối Lỗ Bão (giáp xã Hàm Liêm)	Trường THCS Hàm Hiệp	980	840	980	
		THCS Hàm Hiệp	Ngã 3 Cầu Đúc	1.540	1.320	1.540	
		ĐT 718	Ngã 3 Bàu Gia - Bàu Thảo	1.470	1.260	1.470	
3	Đường Phú Hội - Cẩm Hang - Sông Quao	Ngã 3 Bàu Gia - Bàu Thảo	Cổng đất nhà bà Bùi Thị Sen	980	840	980	
		Cổng đất nhà bà Bùi Thị Sen	Giáp đường kênh sông Quao	700	600	700	
4	Đường Bàu Gia - Bàu Thảo	Ngã 3 Bàu Gia	Ngã 3 đường đập Cẩm Hang	840	720	840	
		Ngã 3 đường đập Cẩm Hang	Điểm cuối giáp đường sắt Bắc - Nam	840	720	840	
5	Đường Cẩm Hang	Ngã 3 tiếp giáp đường Phú Hội - Cẩm Hang - Sông Quao	Điểm cuối giáp đường sắt Bắc - Nam	840	720	840	
6	Đường Chợ Tôn - Ga Phú Hội	Ngã 3 chợ Tôn	Điểm cuối giáp đường sắt Mường Mán - Phan Thiết	2.450	2.100	2.450	
7	Quốc lộ 1A (Trường Chinh)	Cả con đường		8.400	7.200	8.400	
		Trường Chinh	Ngã 3 Địa chỉ đỏ	7.630	6.540	7.630	
8	Đường Đặng Văn Lãnh đăng ủy phường Bình Thuận	Đoạn còn lại		5.950	5.100	5.950	

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	Ghi chú
		Từ	Đến				
9	Phạm Thị Ngự (đường nhựa đi thôn Xuân Hòa)	Trường Chinh	Ngã 3 khu phố Xuân Hòa	7.980	6.840	7.980	
10	Đường Đại Năm			5.950	5.100	5.950	
11	Đường Ngô Đức Tồn			4.620	3.960	4.620	
12	Đường Lê Duẩn	Trường Chinh	Ga Phan Thiết mới	15.960	13.680	15.960	
13	Đường Hải Thượng Lãn Ông (tăng thêm chiều dài)	Trường Chinh	Nhà văn hóa khu phố Xuân Tài	7.210	6.180	7.210	
14	Đường Phạm Thị Tư	Giáp đặng Văn Lanh-bên hông đảng ủy phường Bình Thuận	Giáp Đại Năm	4.620	3.960	4.620	
15	Đường Phan Trọng Tuệ	Đặng Văn Lanh - địa chỉ đo	Giáp đường Đặng Văn Lanh - Trường tiểu học Phong Nẫm)	4.620	3.960	4.620	
16	Đường Hải Thượng Lãn Ông	Cây xăng H52	Trường Chinh	13.650	11.700	13.650	
17	Đường Lê Duẩn	Trường Chinh	Nguyễn Hội	30.240	25.920	30.240	
18	Đường Lê Phụng Hiểu (KDC Văn Thánh)	Cả con đường		12.320	10.560	12.320	
19	Đường Đồng Đa (KDC Văn Thánh)	Cả con đường		12.320	10.560	12.320	
20	Đường Chi Lăng (KDC Văn Thánh)	Cả con đường		12.320	10.560	12.320	
21	Đường Đặng Dung (KDC Văn Thánh)	Cả con đường		12.320	10.560	12.320	
22	Đường Lương Văn Năm	Đoạn trải nhựa		8.190	7.020	8.190	
23	Đường Nguyễn Hội	Hải Thượng Lãn Ông	Đặng Văn Lanh	14.910	12.780	14.910	
24	Đường Nguyễn Văn Linh	KDC Văn Thánh, KDC Phú Tài - Phú Trinh và KDC Kênh Bàu		22.050	18.900	22.050	

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	Ghi chú
		Từ	Đến				
25	Đường Nguyễn Viết Xuân	Cả con đường		11.900	10.200	11.900	
26	Đường Trương Gia Hội	Cả con đường		11.900	10.200	11.900	
27	Đường Võ Văn Tần	Cả con đường		12.600	10.800	12.600	
28	Đường Đào Cam Mộc	Cả con đường		12.320	10.560	12.320	
29	Đường Bế Văn Đàn	Cả con đường		11.900	10.200	11.900	
30	Đường Lê Quang Đạo	Cả con đường		12.320	10.560	12.320	
31	Đường Nguyễn Xí	Cả con đường		12.320	10.560	12.320	
32	Đường Trần Thủ Độ	Cả con đường		12.320	10.560	12.320	
33	Đường Trần Nguyên Hãn	Cả con đường		12.320	10.560	12.320	
34	Đường Khúc Hạo	Cả con đường		12.320	10.560	12.320	
35	Đường Trần Đăng Ninh	Lê Quang Đạo	Giáp đường Phan Đình Giót	12.320	10.560	12.320	
36	Đường Phan Đình Giót	Nguyễn Thị Định	Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh	12.320	10.560	12.320	
37	Đường Khúc Thừa Dụ (nội bộ KDC Văn Thánh 3A)	Cả con đường		12.320	10.560	12.320	
38	Đường Nguyễn Tuấn (đường nội bộ KDC Văn Thánh 2)	Cả con đường		11.900	10.200	11.900	
39	Đường Nguyễn Văn Ngọc (đường nội bộ KDC Văn Thánh 2)	Cả con đường		11.900	10.200	11.900	
40	Đường Vũ Trọng Phụng (đường nội bộ KDC Văn Thánh 2)	Cả con đường		11.900	10.200	11.900	
41	Đường Tôn Thất Bách	Lê Duẩn (Bệnh viện Đa khoa Bình Thuận)	Giáp đường Đặng Văn Lãnh	13.930	11.940	13.930	
42	Đường Nguyễn Văn Siêu (đường nội bộ KDC Phú Tài - Phú Trinh)	Cả con đường		13.930	11.940	13.930	

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	Ghi chú
		Từ	Đến				
43	Đường Phan Kế Bính (đường nội bộ KDC Phú Tài - Phú Trinh)	Cả con đường		13.930	11.940	13.930	
44	Đường Cù Chính Lan (đường nội bộ KDC Văn Thánh 1)	Cả con đường		11.900	10.200	11.900	
45	Đường Hoàng Cầm (đường nội bộ KDC Văn Thánh 1)	Cả con đường		11.900	10.200	11.900	
46	Đường Phạm Huy Thông	Dãy bệnh viện Đa Khoa Bình Thuận	Cuối lô G63 (Trường tiểu học Phú Trinh 1)	13.930	11.940	13.930	
47	Đường Hoài Thanh (khu dân cư Văn Thánh 1)	Cả con đường		11.900	10.200	11.900	
48	Đường Mạc Thị Bưởi	Giáp đường quy hoạch	Giáp đường Trương Gia Hội	11.900	10.200	11.900	
49	Đường Măng Đa	Đường Nguyễn Viết Xuân	Giáp đường Trương Gia Hội	11.900	10.200	11.900	
50	Đường Trương Sanh Thạch	Đường Vũ Trọng Phụng	Giáp đường Nguyễn Thị Định	11.900	10.200	11.900	
51	Đường Ngô Thị Ngự	Đường Vũ Trọng Phụng	Giáp đường Nguyễn Thị Định	11.900	10.200	11.900	
52	Đường Nguyễn Thị Hòa	Đường Ngô Thị Ngự	Đường quy hoạch	11.900	10.200	11.900	
53	Đường Phạm Minh Tự	Đường Ngô Thị Ngự	Giáp đường quy hoạch	11.900	10.200	11.900	
54	Đường Nguyễn Thanh Mận	Đường Mạc Thị Bưởi	Đường Nguyễn Viết Xuân	11.900	10.200	11.900	
55	Đường Nguyễn Văn Nhân	Đường Bé Văn Đàn	Đường quy hoạch	11.900	10.200	11.900	
56	Đường Nguyễn Hinh	Giáp Trường Chinh	Cuối trung tâm giống cây trồng	4.200	3.600	4.200	
57	Tuyến đường D1 theo quy hoạch chi tiết của dự án Chung cư sông Cà Ty			12.320	10.560	12.320	

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất thương mại dịch vụ	Giá đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Giá đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	Ghi chú
		Từ	Đến				
58	Tuyến đường N1, T13 theo quy hoạch chi tiết của dự án Khu dân cư phía Nam đường Lê Duẩn (đoạn từ Quốc lộ 1 đến đường Võ Văn Tần)			13.650	11.700	13.650	